

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bò Quốc Khánh;

Bà Hoàng Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Đức Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tạ Thị Bích Đ, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn L, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Quang S, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Ông S hiện đang chấp hành án tại Trại giam A, địa chỉ: Ấp E, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương,

Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/10/2024 và Biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2024, nguyên đơn bà Tạ Thị Bích Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông Huỳnh Quang S tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau khoảng 02 năm. Được sự đồng ý của gia đình hai bên, bà và ông S tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 13/9/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông S nghiện ma túy, có người phụ nữ

khác, không thường về nhà, lúc về nhà thì hay la mắng bà và không chăm lo cho gia đình. Do vậy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau từ cuối năm 2019 đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Huỳnh Minh Q, sinh ngày 03/6/2019. Sau ly hôn, bà Đ có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Quang S trình bày tại Bản tự khai và Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 04/3/2025 như sau: Ông với bà Đ tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau được khoảng 1 năm thì kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Bà Đ yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý. Hiện ông đang chấp hành án tại Trại giam A nên không thể tham gia tố tụng tại Tòa án. Đề nghị Tòa án giải vắng mặt ông.

Về con chung: Ông và bà Đ có 01 con là Huỳnh Minh Q, sinh ngày 03/6/2019. Ông đồng ý giao con cho bà Đ nuôi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Đ và ông S là vợ chồng có đăng ký kết hôn. Từ năm cuối 2019, do phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống hôn nhân không còn trên thực tế nên bà Đ yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Về con chung, xét con chung từ trước đến nay do bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng; ông S đang chấp hành án tại Trại giam nên không thể nuôi con. Việc giao con cho bà Đ nuôi là phù hợp, ghi nhận ý kiến của bà Đ về việc không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đ về việc yêu cầu được ly hôn với ông S, giao con cho bà Đ trực tiếp nuôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Đ nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông S. Ông S mặc dù đang chấp hành án tại Trại giam A, huyện P nhưng có địa chỉ thường trú tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều

35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Đ và ông S đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Đ và ông S.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông S quen biết, tìm hiểu nhau, tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã T, huyện B theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 13/9/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về tình trạng hôn nhân: Bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông S vì vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và đã sống ly thân; ông S cũng thừa nhận điều này và đồng ý ly hôn. Nhận thấy, Bà Đ và ông S phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Qua đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống hôn nhân không còn trên thực tế từ lâu, mục đích hôn nhân không đạt. Việc duy trì hôn nhân trong tình trạng này còn có thể ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của con. Do đó, việc bà Đ yêu cầu được ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Huỳnh Minh Q, sinh ngày 03/6/2019. Sau ly hôn, bà Đ có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện ông S đang chấp hành án phạt tù. Do đó, cần giao con cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đ về việc không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Đ phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[8] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tạ Thị Bích Đ với bị đơn ông Huỳnh Quang S:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tạ Thị Bích Đ được ly hôn với ông Huỳnh Quang S.

- Về con chung: Giao con chung Huỳnh Minh Q, sinh ngày 03/6/2019 cho bà Tạ Thị Bích Đ nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ông Huỳnh Quang S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Huỳnh Quang S và bà Tạ Thị Bích Đ đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Tạ Thị Bích Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003846 ngày 29/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND xã Bình Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Huế